

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HSST
Ngày: 14-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đình Diên

Ông Nguyễn Tấn Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 31/3/2021 đối với các bị cáo sau:

1. Lê T. Sinh ngày 29/3/1994, tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú và chỗ ở: thôn Tân L, xã B G, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ng, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1950; hiện chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án, Ngày 11/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pr tuyên phạt 07 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thi hành án tại Trại giam Gia Trung, ngày 01/11/2017 chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích. Nhân thân: Ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pr tuyên phạt 05 năm 04 tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2020 cho đến nay, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Đức B. Tên gọi khác: B Đen. Sinh ngày 21/02/1993, tại Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn Thanh T, xã Ia Kr, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai; Nơi ở: tổ dân phố 1, thị trấn Chư T, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L (đã chết) và bà Lại Thị N, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là

Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1996, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 25/7/2014 của Toà án nhân dân thành phố Pl tuyên phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thi hành án tại Trại giam Xuân Phước. Ngày 31/8/2015 được Đặc xá (đã xóa án tích). Bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2021 cho đến nay, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1996

Trú tại: tổ dân phố 1, thị trấn Chư T, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

a. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11 năm 2019, Lê T xem video hướng dẫn cách chế tạo súng trên Youtube. Đến tháng 12 năm 2019, T đến Cơ sở Tiện hàn gặp Nguyễn Minh Th (sinh năm 1977; trú tại 94/4 Nguyễn Chí Th, phường Chi L, TP. Pleiku, Gia Lai; là chủ Cơ sở Tiện hàn Minh Th) làm 02 ổ quay của súng với giá 200.000đồng. Sau đó, T đi đến cơ sở phế liệu Hữu Nh, của bà Bùi Thị H (sinh năm 1989 ở thôn 4, xã Thăng H, huyện Chư Pr) để tìm và mua phế liệu gồm 01 miếng sắt, 01 cục sắt và 01 cây ti (trong phụt nhún xe máy) để phục vụ cho việc chế tạo súng. T mang phế liệu này về nhà của mình rồi mượn máy cắt, máy mài, máy hàn, khoan của Nguyễn Thanh L (sinh năm 1996, trú tại Tân Lạc, xã B G, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai làm thợ sửa chữa xe mô tô ở cạnh nhà T) chế tạo súng.

T làm được một số thân súng nhưng đều bị hỏng nên vứt bỏ. Đến đầu tháng 02 năm 2020, Lê T, tiếp tục chế tạo súng bằng cách sử dụng miếng sắt cắt làm thân, báng súng, cò, búa đập, sử dụng ti làm nòng súng, khoan, cắt cục sắt làm ổ quay, dùng thanh ốc dài 10cm làm trục ổ quay và hàn ghép các bộ phận trên thành một khẩu súng ngắn hoàn chỉnh. Trong thời gian này Lê T được một người bạn tên là D cho 10 viên đạn, sau khi chế tạo xong khẩu súng, Lê T đã bắn thử tổng cộng 08 viên đạn, còn lại 02 viên đạn T lắp vào khẩu súng rồi cất giấu ở hộc tủ ti vi trong phòng ngủ của nhà T, mỗi khi ra ngoài T thường mang súng có 02 viên đạn để phòng thân.

Vào khoảng cuối tháng 02 năm 2020, Lê T đến nhà thuê của Nguyễn Đức B (tại tổ dân phố 1, thị trấn Chư T, huyện Đức C) hỏi sự việc nhóm của B đánh nhau với nhóm ở thôn Mốc Đ, xã Ia D, huyện Đức C, lúc này T lấy khẩu súng ngắn thường mang theo đưa cho B để phòng thân. B cất khẩu súng vào khe hở dưới sàn gác lờ ở nhà thuê của B. Khoảng một tuần sau, B thấy khẩu súng bị hoen rỉ nên lấy tấm decal màu vàng đồng dán trên bề mặt ngoài khẩu súng để cho khẩu súng được đẹp hơn rồi cất vào lại chỗ cũ và không cho ai biết.

Khoảng đầu tháng 3 năm 2020, T tiếp tục chế tạo khẩu súng thứ hai nhưng

đang trong quá trình chế tạo, còn thiếu bộ phận cò, búa đập, chốt cố định ổ quay, đến ngày 21/3/2020 do có mâu thuẫn gia đình, T mang khẩu súng đang chế tạo qua nhà bố ruột là Lê Ng đập phá, hủy hoại tài sản, sau đó vứt khẩu súng ở trước sân nhà ông Lê Ng và bỏ trốn. Đến chiều cùng ngày, ông Lê Ng giao nộp khẩu súng này cho Công an huyện Chư Pr.

Khoảng 19h00 ngày 29/7/2020, vì sợ Công an kiểm tra hành chính phát hiện nên B lấy khẩu súng và 02 viên đạn cất vào lưng quần trước bụng để mang về cất giấu ở nhà B tại thôn Thanh T, xã Ia Kr, huyện Đức C, tỉnh Gia Lai, lúc này vợ của B là Nguyễn Thị Phương Th đi làm về, do vợ chồng có mâu thuẫn từ trước nên giữa B và Th xảy ra xô xát, to tiếng với nhau. Trong lúc cãi nhau B rút khẩu súng ra hù dọa để Th không cãi B thì được những người ở cùng là Tô Thị Diễm M (sinh năm 1995), Thân Thị Hồng Nh (sinh năm 2001), V (sinh năm 1995, không rõ họ), L (sinh năm 1995, không rõ họ) can ngăn nên B điều khiển xe máy bỏ đi. Một lúc sau, do B để quên điện thoại nên quay lại lấy thì tiếp tục xảy ra cãi nhau với Th, B rút khẩu súng từ lưng quần trước bụng ra hù dọa Th nhưng được M, Nh, V, L can ngăn nên B điều khiển xe máy ra về.

Đến 19 giờ 40 phút ngày 29/7/2020 Nguyễn Thị Phương Th đến Công an huyện Đức Cơ để trình báo sự việc Nguyễn Đức B tàng trữ súng.

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 29/7/2020 Nguyễn Đức B đến Công an huyện Đức Cơ giao nộp khẩu súng và 02 viên đạn.

Ngày 26/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Cơ trưng cầu giám định đến Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh để giám định khẩu súng và 02 viên đạn mà B giao nộp có phải là vũ khí quân dụng và còn sử dụng được hay không.

Tại Kết luận giám định số 4459/C09B ngày 04/9/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại, bên ngoài dán decal màu vàng gửi giám định là súng được chế tạo thủ công dạng súng ổ quay nòng nhẵn; súng sử dụng để bắn được với đạn thể thao cỡ (5,6x15,6)mm. Hiện tại súng có đủ các bộ phận chính, hoạt động B thường và bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

- 02 viên kim loại màu vàng là đạn thể thao không phải vũ khí quân dụng; đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng cỡ nòng 5,6mm như: súng ám sát hình bút, súng TOZ8, K55... và khẩu súng gửi giám định.

Tại cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 08/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy T bị cáo Lê T về tội: “Chế tạo, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Truy T bị cáo Nguyễn Đức B về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

b. Về diễn biến phiên tòa:

* Các bị cáo thừa nhận toàn nội dung cáo trạng truy T bị cáo đều đúng. Các bị cáo thấy hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy T, đề nghị Hội đồng xét xử:

-Tuyên bố Lê T phạm tội “Chế tạo, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Nguyễn Đức B về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

*Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 bản án.

*Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về vật chứng: là súng và đạn thuộc vũ khí quân dụng giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai bảo quản và sử dụng theo quy định, đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục T tụng: Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành T tụng trong quá trình khởi T, điều tra, truy T vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật T tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Theo lời khai nhận tội của các bị cáo đối chiếu với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận:

Đối với bị cáo Lê T tự tìm hiểu, xem video hướng dẫn cách chế tạo súng trên Youtube tìm mua những chi tiết cần thiết để chế tạo súng, bị cáo làm được một số thân súng nhưng hỏng nên vứt bỏ. Đến đầu tháng 2/2020, Lê T, tiếp tục chế tạo súng bằng cách sử dụng miếng sắt cắt làm thân, báng súng, cò, búa đập, sử dụng ti làm nòng súng, khoan, cắt cục sắt làm ổ quay, dùng thanh ốc dài 10cm làm trục ổ quay và hàn ghép các bộ phận trên thành một khẩu súng ngắn hoàn chỉnh. Sau đó bị cáo được một người bạn cho 10 viên đạn, đã bắn thử 08 viên còn 02 viên cất giấu ở học tủ ti vi trong phòng ngủ, sau đó cho bị cáo B mượn.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức B, cuối tháng 02/2020 được khi nghe giữa nhóm B và nhóm thôn Mốc Đ, xã Ia D, huyện Đức C xảy ra mâu thuẫn thì T đưa súng bên trong còn 02 viên đạn cho B mượn mục đích để phòng thân và cất khẩu súng

vào khe hở dưới sàn gác lữ ở nhà thuê của B. Đến ngày 29/7/2020 B mang súng và 02 viên đạn giấu trong người, lúc này vợ B là chị Nguyễn Thị Phương Th đi làm về thì giữa hai người xảy ra xô xát, to tiếng B rút súng ra muốn dọa Th, thì được mọi người can ngăn. Đến 19 giờ 40 phút cùng ngày chị Th đến Công an huyện Đức C để trình báo sự việc Nguyễn Đức B tàng trữ súng.

Tại Kết luận giám định của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Khẩu súng trên là vũ khí có tính năng tác dụng như vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy T bị cáo Lê T về tội “Chế tạo, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và bị cáo Nguyễn Đức B tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và vai trò của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với quản lý vũ khí quân dụng, gây hoang mang và ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, mỗi bị cáo thực hiện hành vi khác nhau, bị cáo T chế tạo, tàng trữ súng thường xuyên mang theo bên người khi đi ra ngoài, B được T cho mượn súng cất giấu mục đích để phòng thân.

Bị cáo Lê T có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị Tòa án xét xử về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Cố ý gây thương tích”, bị cáo B có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hành vi chế tạo, tàng trữ súng và tự nguyện đưa súng cho B mang theo khi thấy B có mâu thuẫn với người khác của bị cáo Lê T nguy hiểm hơn hành vi tàng trữ súng để phòng thân của B. Từ những phân tích trên, căn cứ vào hành vi, tính chất mức độ và nhân thân của các bị cáo buộc bị cáo Lê T phải chịu mức án cao hơn bị cáo B.

[4] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê T phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Đức B tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án khai ra bị cáo Lê T giúp điều tra triệt để vụ án, sau khi bị phát hiện hành vi tàng trữ súng, bị cáo đến công an thị trấn Chư Ty, Đức Cơ tự nguyện giao nộp súng, đạn và khai báo hành vi của mình nên được xem là “Đầu thú” và áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mẹ ruột bị cáo được tặng thưởng Huy chương Chiến Sĩ vẻ vang và

Huy chương Quân kỳ quyết thắng nên được áp dụng thêm điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B.

[5] Về vật chứng: 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay, 01 viên đạn thể thao bằng kim loại, màu vàng, đầu đạn màu đen, kích cỡ (5,6 x 15,6) mm được giám định là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng nên tiếp tục giao cho Bộ chỉ huy quân sự quản lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

01 vật bằng kim loại giống kiểu súng rulo chưa được hoàn thiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Chế tạo, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; Bị cáo Nguyễn Đức B phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê T 18 (mười tám) tháng tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt 05 (năm) 04 (bốn) tháng tù của bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pr, Gia Lai về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Cố ý gây thương tích” và hình phạt 18 (mười tám) tháng tù của bản án này. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **06 (sáu) năm 10 (mười) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2020.

4. Về xử lý vật chứng:

- Giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai quản lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật: 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay, bằng kim loại, bên ngoài dán decal màu vàng đồng, dài khoảng 20 cm; 01 viên đạn thể thao bằng kim loại, màu vàng, đầu đạn màu đen, kích cỡ (5,6 x 15,6) mm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2021 giữa Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai và Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

-Tịch thu tiêu hủy: 01 vật bằng kim loại giống kiểu súng rulo chưa được hoàn thiện.

Vật trên có đặc điểm ghi tại biên bản giao nhận vật chứng số 39/2020 lập ngày 19/3/2021 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê T và Nguyễn Đức B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- TAND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam T20;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu Tòa HS, VT, TTL, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Bình